

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính trong các ngân hàng thương mại Việt Nam

Ths. Lê Thị Nhu, Ths. Mai Vân Anh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: nhuxnk@gmail.com

Ngân hàng thương mại (NHTM) là tổ chức kinh doanh tiền tệ mà hoạt động chủ yếu và thường xuyên là nhận tiền ký gửi từ khách hàng với trách nhiệm hoàn trả và sử dụng số tiền đó để cho vay, thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, làm phương tiện thanh toán và thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật với mục đích sinh lời. Hiệu quả hoạt động tài chính của ngân hàng thương mại thể hiện ngay từ cấu trúc tài chính, từ kết quả huy động vốn, tình hình dự trữ, tình hình tín dụng cho đến khả năng thanh khoản và khả năng sinh lợi. Vì thế, việc xác định hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính trong các ngân hàng thương mại là vấn đề cần thiết, giúp cho các nhà quản trị và những đối tượng quan tâm hiểu rõ hiệu quả hoạt động tài chính của ngân hàng thương mại một cách chính xác, làm căn cứ để đề ra các quyết định hữu ích.

Từ khóa: ngân hàng thương mại, cấu trúc tài chính, khả năng thanh khoản, khả năng sinh lợi, tín dụng.

NHTM là doanh nghiệp đặc thù, kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ. Vốn và tiền vừa là phương tiện, vừa là mục đích kinh doanh nhưng đồng thời cũng là đối tượng kinh doanh của NHTM. Khác với các doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực khác, NHTM kinh doanh chủ yếu bằng vốn của người khác. Vốn tự có của NHTM chiếm một tỷ lệ rất thấp trong tổng nguồn vốn hoạt động, nên việc kinh doanh của NHTM luôn gắn liền với một rủi ro mà ngân hàng buộc phải chấp nhận với một mức độ mạo hiểm nhất định. Từ đó cho thấy, việc phân tích khả năng thanh khoản của NHTM có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Mặt khác, hoạt động kinh doanh của NHTM là hoạt động chứa nhiều rủi ro, bởi lẽ nó tổng hợp tất cả các rủi ro của khách hàng. Do đó, trong quá trình hoạt động các NHTM phải thường xuyên cảnh giác, nghiên cứu, phân tích, đánh giá, dự báo và có những biện pháp phòng ngừa từ xa có hiệu quả.

Những khác biệt nêu trên đã dẫn đến hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính trong các ngân hàng thương mại có những khác biệt nhất định so với các doanh nghiệp khác. Nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính trong ngân hàng thương mại bao gồm đánh giá về cấu trúc tài chính, về huy động vốn, về dự trữ, về tình hình tín dụng, về khả năng thanh khoản và khả năng sinh lợi. Trong từng nội dung đánh giá cụ thể, lại sử dụng các chỉ tiêu khác nhau.

1. Đánh giá cấu trúc tài chính

Cũng giống như doanh nghiệp, cấu trúc tài chính của NHTM phản ánh cấu trúc tài sản, nguồn vốn và mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn. Sau khi phân tích cấu trúc tài chính sẽ đưa ra những nhận định về tính hợp lý của cơ cấu tài sản, nguồn vốn. Từ đó xây dựng cơ cấu danh mục tài sản hợp lý, vừa nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời đảm bảo sự an toàn vốn.

Bên cạnh các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, việc đánh giá cấu trúc tài chính còn gắn với việc xem xét các chỉ tiêu sau đây:

- *Tín dụng và đầu tư dài hạn trên tổng nguồn vốn dài hạn:*

Chỉ tiêu này phản ánh sự cân đối giữa nguồn vốn dài hạn và tình hình sử dụng vốn dài hạn của ngân hàng thương mại.

$$\text{Tín dụng và đầu tư dài hạn trên nguồn vốn dài hạn} = \frac{\text{Tín dụng và đầu tư dài hạn}}{\text{Nguồn vốn dài hạn}} \times 100$$

- Tỷ lệ dư nợ trên tổng tài sản:

“Tỷ lệ dư nợ trên tổng tài sản” là chỉ tiêu này cho biết khoản cho khách hàng vay chiếm mấy phần trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Trị số của chỉ tiêu này tùy thuộc vào chính sách của mỗi ngân hàng vì nó liên quan đến lợi nhuận và rủi ro cho vay.

$$\text{Tỷ lệ dư nợ trên tổng tài sản} = \frac{\text{Dư nợ tín dụng}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

- Tỷ lệ cho vay khách hàng trên huy động khách hàng:

Chỉ tiêu này phản ánh cơ cấu cho vay và huy động tiền của ngân hàng thương mại.

$$\text{Tỷ lệ cho vay khách hàng trên huy động khách hàng} = \frac{\text{Cho vay khách hàng}}{\text{Huy động khách hàng}} \times 100$$

- Cho vay khách hàng trên tổng vốn huy động:

Cũng như chỉ tiêu “Tỷ lệ cho vay khách hàng trên huy động khách hàng”, chỉ tiêu “Tỷ lệ cho vay khách hàng trên tổng vốn huy động” được sử dụng để xem xét cơ cấu cho vay và huy động tiền trong ngân hàng thương mại.

- Tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định:

Tỷ lệ này đánh giá mức độ đầu tư tài sản cố định bằng vốn tự có, nó cho biết cứ 100 đồng vốn tự có thì có mấy đồng đầu tư vào tài sản cố định. Theo quy định của luật các tổ chức tín dụng và quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN việc đầu tư vào TSCĐ không được vượt quá 50% vốn cấp I.

$$\text{Tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định} = \frac{\text{Tài sản cố định}}{\text{Vốn tự có}} \times 100$$

2. Đánh giá tình hình huy động vốn

Tình hình huy động vốn của ngân hàng thương mại trước hết được xem xét qua chỉ tiêu “Tổng nguồn vốn huy động”. Qua đó, các nhà quản trị và các đối tượng quan tâm sẽ nắm được lượng vốn mà ngân hàng thương mại huy động tăng thêm hay giảm bớt trong kỳ. Ngoài ra, đánh giá tình hình huy động vốn trong ngân hàng thương mại còn sử dụng các chỉ tiêu sau:

- Hệ số biến động của nguồn vốn huy động so với tín dụng và đầu tư:

Chỉ tiêu này thể hiện mối quan hệ giữa huy động vốn với sử dụng vốn, đặc biệt là cho hoạt động tín dụng và đầu tư.

$$\text{Hệ số biến động của nguồn vốn huy động so với tín dụng và đầu tư} = \frac{\text{Mức tăng trưởng của nguồn vốn huy động trong kỳ}}{\text{Mức tăng trưởng của tín dụng và đầu tư trong kỳ}} \times 100$$

- Tỷ lệ biến động của nguồn tiền gửi:

Chỉ tiêu này phản ánh sự biến động của số dư tiền gửi tại các thời điểm so với số dư tiền gửi bình quân

trong kì. Chỉ tiêu này có ý nghĩa rất lớn trong việc xác định lượng tiền dự trữ để đảm bảo khả năng thanh toán cho lượng tiền gửi rút ra khỏi ngân hàng trong kỳ.

$$\text{Tỷ lệ biến động của nguồn tiền gửi} = \frac{\text{Độ lệch chuẩn của nguồn tiền gửi } (\delta)}{\text{Mức tăng trưởng của tín dụng và đầu tư trong kỳ}} \times 100$$

Nếu gọi D_t là số dư tiền gửi tại thời điểm t , n là số thời điểm nghiên cứu, khi đó độ lệch của nguồn tiền gửi (δ) được tính như sau:

$$\sqrt{\frac{\sum (D_t - D)^2}{n}}$$

3. Chỉ tiêu đánh giá tình hình dự trữ

Tình hình dự trữ của một ngân hàng thương mại thường được xem xét trên các mặt: mức dự trữ tiền (thừa hoặc thiếu), mức độ an toàn về sử dụng vốn và dư nợ cho vay so với dư nợ tiền gửi.

- *Mức dự trữ thừa hoặc thiếu:*

“Mức dự trữ thừa hoặc thiếu” là chỉ tiêu phản ánh tình hình dự trữ tiền để đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của ngân hàng thương mại.

$$\text{Mức dự trữ thừa hoặc thiếu} = \text{Tiền dự trữ thực tế} - \text{Tiền dự trữ bắt buộc theo quy định}$$

- *Tỷ lệ an toàn vốn:*

Chỉ tiêu này được sử dụng để đo lường độ an toàn về vốn của các ngân hàng thương mại với chuẩn mực về vốn tự có tối thiểu là 8% tính trên tổng tài sản rủi ro. Tỷ lệ này được tính theo quy định của luật các tổ chức tín dụng và quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN.

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn} = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản theo mức độ rủi ro}} \times 100$$

- *Tỷ lệ dư nợ cho vay so với số dư tiền gửi:*

Chỉ tiêu này đo lường khả năng cho vay từ một đồng tiền gửi và kiểm tra độ an toàn trong kinh doanh của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ dư nợ cho vay} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay}}{\text{Tổng tiền gửi}} \times 100$$

4. Chỉ tiêu đánh giá tình hình tín dụng

Để đánh giá khái quát về tình hình chất lượng tín dụng, nhà phân tích thường xem xét qua các chỉ tiêu cơ bản sau:

- *Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ:*

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005, các tổ chức tín dụng phân loại nợ theo 5 nhóm.

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm nợ có khả năng thu hồi được cả gốc và lãi đúng hạn.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý, bao gồm nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi gốc và lãi khi đến hạn.

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ, bao gồm nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm nợ quá hạn trên 360 ngày, nợ được đánh giá không có khả

năng thu hồi, mất vốn.

Nợ xấu = Nhóm 3+ nhóm 4+ nhóm 5

Tổng dư nợ tín dụng là chỉ tiêu này cho biết tình trạng nợ xấu của ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu cao không chỉ báo động sự phát sinh khoản thanh lý lớn nhất trong tương lai mà còn thể hiện sự giảm sút thu nhập ở hiện tại do các khoản dư nợ này không mang lại lợi nhuận hoặc lợi nhuận ít, không đáng kể. Vì vậy các nhà quản trị ngân hàng thường mong muốn tỷ lệ nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ. Nếu tỷ lệ nợ xấu cao hơn việc xử lý nợ sẽ gặp khó khăn, thậm chí cần có công ty mua bán nợ quốc gia can thiệp.

Hiện nay nhiều ngân hàng, doanh nghiệp không minh bạch tài chính, nên cơ quan quản lý không thể xác định quy mô và chất lượng nợ xấu, ai đang thâm tóm và thao túng ngân hàng, mối quan hệ nào chi phối lợi ích...

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ tín dụng} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng}} \times 100$$

- Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trên tổng dư nợ:

Chỉ tiêu này cho biết nợ có khả năng mất vốn (nợ không đòi được) chiếm mấy phần trong tổng số dư nợ tín dụng. Mặc dù nợ xấu là mầm mống của rủi ro cho vay song chưa phải là tất cả thiệt hại mà ngân hàng gánh chịu. Thực tế, một số khoản nợ xấu vẫn có khả năng thu hồi. Bởi vậy để đánh giá tính chất nghiêm trọng của các khoản nợ quá hạn hiện có và mức độ thiệt hại mà ngân hàng phải gánh chịu, các nhà phân tích quan tâm đặc biệt tới phần nợ xấu khó có khả năng thu hồi (nợ bị mất vốn) và tỷ trọng của nó trong số nợ quá hạn hoặc trong tổng dư nợ ngân hàng. Mức mong muốn của các nhà quản trị ngân hàng đối với nợ có khả năng mất vốn là dưới 1% tổng dư nợ.

$$\text{Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trên tổng dư nợ tín dụng} = \frac{\text{Nợ có khả năng mất vốn}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng}} \times 100$$

- Tỷ lệ thu hồi nợ xấu:

Chỉ tiêu này cho biết nỗ lực của ngân hàng trong việc thu hồi nợ xấu trong thời kỳ của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ thu hồi nợ xấu} = \frac{\text{Doanh số thu hồi nợ xấu trong kỳ}}{\text{Nợ xấu trong kỳ} + \text{Doanh số chuyển nợ xấu trong kỳ}} \times 100$$

- Tỷ lệ cho vay đối với khách hàng lớn nhất:

Chỉ tiêu này cho biết mức dư nợ cho vay khách hàng lớn nhất chiếm mấy phần trong vốn tự có của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ cho vay đối với 1 khách hàng lớn nhất} = \frac{\text{Mức dư nợ cho vay khách hàng lớn nhất}}{\text{Vốn tự có của ngân hàng}} \times 100$$

- Tỷ lệ bảo lãnh đối với một khách hàng lớn nhất:

“Tỷ lệ bảo lãnh đối với một khách hàng lớn nhất” là chỉ tiêu cho biết số dư bảo lãnh cho khách hàng lớn nhất chiếm mấy phần trong vốn tự có của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ bảo lãnh đối với 1 khách hàng lớn nhất} = \frac{\text{Tổng số dư bảo lãnh cho khách hàng lớn nhất}}{\text{Vốn tự có của ngân hàng}} \times 100$$

Theo điều 8 quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, tổng dư nợ cho vay của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng, tổng mức cho vay và bảo hành đối

với một khách hàng không vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng. Đối với một nhóm khách hàng có liên quan, mức tối đa của tỷ lệ này tương ứng là 50% và 60%.

Đối với các khoản vay nợ xấu khi dự kiến khó có khả năng thu hồi, NHTM buộc phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn thu bù đắp. Nếu việc trích lập dự phòng không đủ bù đắp tài sản bị rủi ro thì ngân hàng phải lấy lợi nhuận trong kỳ để trang trải. Trường hợp các nguồn trên không đủ bù đắp thì nguồn bù đắp thứ ba sẽ được tính đến, đó là vốn tự có của ngân hàng. Do đó, để đánh giá xem xét liệu ngân hàng có khả năng bù đắp được các khoản cho vay bị mất hay không, khi phân tích thường xem xét qua các chỉ tiêu sau:

- *Hệ số khả năng bù đắp các khoản cho vay bị mất*

Hệ số này cho biết khả năng bù đắp rủi ro của các khoản nợ có khả năng mất vốn. Nếu hệ số này nhỏ hơn 1 tức là ngân hàng không có khả năng bù đắp rủi ro từ các khoản trích dự phòng.

$$\text{Hệ số khả năng bù đắp các khoản cho vay bị mất} = \frac{\text{Khoản nợ dự phòng cho vay bị mất}}{\text{Nợ có khả năng mất vốn}}$$

Hệ số trên còn có thể tính theo cách sau:

$$\text{Hệ số khả năng bù đắp các khoản cho vay bị mất} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{Khoản dự phòng cho vay bị mất}}{\text{Nợ có khả năng mất vốn}}$$

- *Hệ số khả năng bù đắp rủi ro tín dụng:*

Chỉ tiêu này cho biết một đồng nợ quá hạn khó đòi của ngân hàng được bù đắp bằng bao nhiêu đồng dự phòng rủi ro.

$$\text{Hệ số khả năng bù đắp rủi ro tín dụng} = \frac{\text{Dự phòng rủi ro tín dụng}}{\text{Nợ quá hạn khó đòi}}$$

- *Hệ số giữa nợ quá hạn không có khả năng thu hồi so với vốn tự có:*

Đây là chỉ tiêu cho biết mức vốn tự có của ngân hàng có thể gánh chịu bao nhiêu phần trăm thất do nợ quá hạn không có khả năng thu hồi gây ra.

$$\text{Hệ số giữa nợ quá hạn không có khả năng thu hồi so với vốn tự có} = \frac{\text{Nợ quá hạn không có khả năng thu hồi}}{\text{Vốn tự có của ngân hàng}}$$

5. Chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh khoản

Khả năng thanh khoản của một ngân hàng thương mại cho biết năng lực đáp ứng các khoản nợ. Khả năng thanh khoản thường được đo lường qua các chỉ tiêu sau:

- *Tỷ lệ thực hiện tài sản:*

Tỷ lệ thực hiện tài sản cho biết tỷ trọng các tài sản có khả năng chuyển đổi nhanh thành tiền trong tổng tài sản của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ thực hiện tài sản} = \frac{\text{Tài sản Có bình quân}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100$$

- *Tỷ lệ đảm bảo tiền gửi:*

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng của ngân hàng đáp ứng các khoản ưu tiên không được dự báo trước của

khách hàng bằng khả năng thanh khoản của ngân hàng.

$$\text{Tỷ lệ đảm bảo tiền gửi} = \frac{\text{Tài sản Có bình quân}}{\text{Tổng tiền gửi của khách hàng bình quân}} \times 100$$

- Tỷ lệ khả năng chi trả:

Tỷ lệ khả năng chi trả giúp nhà phân tích đánh giá, xem xét liệu NHTM có thường xuyên duy trì nguồn tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác và các tài sản có thể chuyển hóa ngay thành tiền mặt để đáp ứng mọi nhu cầu về tiền ở mọi thời điểm hay không.

$$\text{Tỷ lệ khả năng chi trả} = \frac{\text{Tài sản Có có thể thanh toán ngay}}{\text{Tài sản Nợ phải thanh toán}} \times 100$$

Theo quy định hiện hành của Việt Nam, cách xác định tỷ lệ khả năng chi trả và độ lớn tối thiểu được quy định tại quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 của thống đốc NHNN về việc ban hành Quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

- Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn:

$$\text{Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn} = \frac{\text{Dư nợ cho vay trung, dài hạn từ nguồn vốn ngắn hạn}}{\text{Nguồn vốn ngắn hạn}} \times 100$$

Chỉ tiêu trên sử dụng để đánh giá việc dùng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn. Thường một ngân hàng có hệ số thanh khoản ổn định là cơ cấu huy động các khoản vay trung và dài hạn lớn hơn các khoản vay ngắn hạn. Theo điều 15 của quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn tổ chức tín dụng được sử dụng để cho vay trung và dài hạn đối với THTM là 40%, đối với các tổ chức tín dụng khác là 30%.

$$\text{Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn} = \frac{\text{Dư nợ cho vay trung và dài hạn từ nguồn vốn ngắn hạn}}{\text{Nguồn vốn ngắn hạn}} \times 100$$

6. Chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lợi

Khả năng sinh lợi trong ngân hàng thương mại thường được phản ánh qua các chỉ tiêu sau:

- Tỷ suất lợi nhuận trên thu nhập

Chỉ tiêu này cho thấy khả năng mang lại lợi nhuận của một đồng thu nhập, đồng thời qua chỉ tiêu này cũng cho thấy hiệu quả của công tác kiểm soát chi phí của ngân hàng.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên thu nhập} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng thu nhập}} \times 100$$

- Tỷ suất sinh lợi của tổng tài sản (ROA):

Chỉ tiêu này chỉ ra hiệu quả khai thác tài sản Có của NHTM hay là thước đo hiệu quả đầu tư của ngân hàng vì mọi tài sản Có đều là các khoản đầu tư. Nó thường được sử dụng khi so sánh doanh lợi của ngân hàng này với ngân hàng khác.

$$\text{Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100$$

- Tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE):

Chỉ tiêu này đo lường hiệu quả sử dụng của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Nó cho biết 100 đồng vốn chủ sở hữu góp phần sinh ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{Tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \times 100$$

- *Lãi suất bình quân đầu ra (lãi suất bình quân của tài sản có sinh lời):*

$$\text{Lãi suất bình quân đầu ra} = \frac{\text{Thu nhập thực tế từ tài sản Có sinh lời trong kì}}{\text{Tổng tài sản có sinh lời bình quân}} \times 100$$

Lãi suất bình quân đầu ra cho biết mức sinh lời bình quân của tài sản Có sinh lời trong ngân hàng, giúp nhà phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Mức lãi suất bình quân ra càng cao chứng tỏ hiệu quả kinh doanh tốt.

$$\text{Lãi suất bình quân đầu ra} = \frac{\text{Thu nhập thực tế từ tài sản Có sinh lời trong kì}}{\text{Tổng tài sản Có sinh lời bình quân}} \times 100$$

- *Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu phổ thông (EPS):*

$$\text{Thu nhập mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}}$$

Chỉ tiêu trên cho biết sau một kỳ kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần thì mỗi cổ phiếu thu nhập được bao nhiêu. Đây cũng là một trong các chỉ tiêu mà nhà đầu tư rất quan tâm.

$$\text{Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu phổ thông} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành}}$$

Tóm lại, để phân tích tình hình tài chính trong ngân hàng thương mại đòi hỏi nhà phân tích phải sử dụng rất nhiều chỉ tiêu tài chính đồng thời cần xem xét mối quan hệ giữa các chỉ tiêu với nhau. Một nhận định từ một chỉ tiêu sẽ chính xác nếu chúng ta xem xét nó trên tổng thể các chỉ tiêu khác, các vấn đề đang và sắp xảy ra tại ngân hàng. □

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2010), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB giáo dục.
2. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Tài chính
3. PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc và cộng sự (2011), *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Công ty cổ phần chứng khoán Âu Việt (các kỳ), *Báo cáo chuyên đề Phân tích nhóm các cổ phiếu ngân hàng*.
5. Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.